

Bản án số: 97/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Sơn

2. Bà Lê Thị Kiều Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021; về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị H, sinh năm 1999; nơi cư trú: số nhà 333, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1, thôn 7, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà 490, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1, thôn 7, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:

Chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2017 tại UBND xã ĐT, huyện ĐL. Sau khi kết hôn chị H, anh D chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình chị H, anh D không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Bản thân chị H đã nhiều lần cố gắng hòa giải, khuyên bảo anh D thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Từ đó chị H, anh D thiếu quan tâm, chia sẻ chăm sóc lẫn nhau. Do nhận thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nên cách đây khoảng 2 tháng chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cũng kể từ đó chị H, anh D sống ly thân và không còn ai quan tâm gì nhau. Hiện nay, chị H không còn tình cảm với anh D, không mong muốn sống chung với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị H, anh D có một người con là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 12/11/2017. Khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1991, hiện cư trú tại số nhà 490, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1, thôn 7, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Anh D và chị Lưu Thị H là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL. Sau khi kết hôn anh D, chị H chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, sau đó do tính tình không hợp nhau nên thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cãi vã, thời gian gần đây do anh D bị đau lưng không đi làm được nên chi tiêu kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, từ đó cuộc sống gia đình gặp nhiều áp lực. Sau đó chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Bản thân anh D đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng chị H không đồng ý quay về. Mặc dù cuộc sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, hiện nay anh D vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Anh D chị H có một người con là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 12/11/2017. Hiện cháu K lúc ở với chị H, lúc ở với anh D. Anh D không có ý kiến về việc nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh D không có ý kiến gì.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng trong vụ án:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc D có nơi cư trú tại thôn 7, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Lưu Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc áp dụng án lệ: Sau khi ra soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lưu Thị H, anh Nguyễn Ngọc D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 16/5/2017, số vào sổ 33/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tin, huyện ĐL đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị H, anh D chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cãi vã. Mặc dù cả hai đã tự động viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, nhưng không có kết quả nên chị H, anh D đã sống ly thân. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị H không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình làm việc

cũng như tại phiên tòa anh D thừa nhận cuộc sống vợ chồng thời gian qua có nảy sinh mâu thuẫn. Sau khi ly thân anh và gia đình có gặp gỡ, khuyên bảo, động viên chị H quay về chung sống nhưng không có kết quả. Nhưng hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng anh D không tham gia, trong khi chị H vẫn cương quyết ly hôn.

Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của chị H, anh D đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do anh D đưa ra để không đồng ý ly hôn với chị H là hiện nay vẫn còn tình cảm yêu thương chị H. Tuy nhiên, xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị H thừa nhận hiện nay đã không còn tình cảm gì với anh D; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị H được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh D, chị H có một người con là Nguyễn Thị Thiên K, sinh ngày 12/11/2017. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 16 tháng 5 năm 2017, vào sổ số 33/2017 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Lưu Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005520, ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2021), để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐL;
- UBND xã ĐT, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Trường